TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 685/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thanh Vân**

2. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trần Ngọc Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Kim Sinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 993/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/219/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Huỳnh Y**, sinh năm 1986; cư trú tại: 1224A PTH, Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1987; cư trú tại: 1224A PTH, Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn Huỳnh Y trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu Đ chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/4/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau; mặc dù hai bên đã

nhiều lần tìm cách hòa giải hàn gắn nhưng không thành, tình trạng hôn nhân rất trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Xuân D, sinh ngày 10/02/2014, con hiện đang sống cùng với bà Y. Sau khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà Y nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông Đ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà Nguyễn Huỳnh Y có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Huỳnh Y và ông Nguyễn Hữu Đ có đăng ký kết hôn, bà Y yêu cầu ly hôn với ông Đ, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là ông Nguyễn Hữu Đ đang cư trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 8) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Y.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2012, cùng lời khai của bà Y về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Y và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Y: Trong quá trình chung sống, bà Y và ông Đ xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn, tìm tiếng nói chung nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà Y xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà Y và ông Đ đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông Đ đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy ông Đ đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Y và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Xuân D, sinh ngày 10/02/2014. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì trẻ Dung hiện đang sống cùng bà. Bà Y không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo đơn tường trình của bà Y có xác nhận của Công an Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Y và trẻ Nguyễn Xuân Dung đang thực tế cư ngụ tại địa chỉ 1224A PTH, Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng ông Đ không có

bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà Y. Do đó, việc giao trẻ Dung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Y không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định bà và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Y phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Y về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Y được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ .

(Giấy chứng nhận kết hôn số 110, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2012).

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Huỳnh Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân D, sinh ngày 10/02/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ cho đến khi bà Y có yêu cầu.

Ông Nguyễn Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Huỳnh Y phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018505 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Huỳnh Y và ông Nguyễn Hữu Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND P.Đ, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga